TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 20/2020/DS-PT Ngày 20-4-2020 V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản, mộ ra khỏi khu đất tranh chấp và bồi thường thiệt hại về tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuệ

Ông Chu Long Kiếm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơntham gia phiên tòa***: Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLPT-DS, ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản, mộ ra khỏi khu đất tranh chấp và bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 03 năm 2020, Thông báo về việc chuyển ngày xét xử số: 07/TB-TA ngày 12 tháng 3 năm 2020, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 31/TB-TDS ngày 01 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đặng Sinh H (tức S); cư trú tại: Khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Hà Tuấn C (tức X); cư trú tại: Đường T, khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lô Phùng K; cư trú tại: Khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lô Phùng K: Ông Đặng Sinh H (tức S); cư trú tại: Khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 15-5-2019); có mặt.

2. Anh Đặng Lưu T; cư trú tại: Khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Ông Hà Văn K; cư trú tại: Khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hà Văn K: Ông Nông Văn B; cư trú tại: Thôn Q, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 15-10-2019); có mặt.

4. Anh Hà Minh K; cư trú tại: Khu K, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Anh Hà Tuấn H; cư trú tại: Đường H, Khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

6. Chị Hà Kim M; cư trú tại: Đường T, khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Anh Hà Tuấn A; cư trú tại: Đường H, Khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

8. Chị Nguyễn Thị T; cư trú tại: Đường T, khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt

- *Người làm chứng:*

1. Ông Hà Viết T; sinh năm 1959; cư trú tại: Thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Bà Từ Thị T; sinh năm 1967; cư trú tại: Khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Hà Tuấn C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Lô Phùng K là vợ của ông Đặng Sinh H. Hộ gia đình ông Đặng Sinh H theo Sổ hộ khẩu gia đình vào thời điểm năm 2010 gồm có: Ông Đặng Sinh H, bà Lô Phùng K, anh Đặng Lưu T (là cháu của Ông Đặng Sinh H).

Ông Đặng Ký H (chết năm 2016) là anh trai của ông Đặng Sinh H. Ông Đặng Ký H có vợ là bà Từ Thị T, họ có 02 người con là Đặng Mạnh C, sinh năm 1992 và Đặng Thế M, sinh năm 1994.

Ông Hà Văn K có vợ là bà Trần Lệ K (chết năm 2013). Họ có 05 người con là Hà Minh K, Hà Tuấn H, Hà Kim M, Hà Tuấn A và Hà Tuấn C. Chị Nguyễn Thị T là vợ của Hà Tuấn C.

Thửa đất số 137, tờ bản đồ địa chính số 01, Bản đồ lâm nghiệp thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là thửa đất số 137) có diện tích 36.238,0m^2 (đất rừng sản xuất) đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 525671 ngày 28-7-2010 cho hộ ông Đặng Sinh H và bà Lô Phùng X. Ngày 15-11-2019, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã có nội dung thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận, cụ thể: Nội dung thông tin tên người sử dụng đất, địa chỉ thửa đất có sai sót, được đính chính lại là: Tên người sử dụng đất: Hộ ông Đặng Sinh H (S) và bà Lô Phùng K; địa chỉ thửa đất: Khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, theo biên bản kiểm tra ngày 07-11-2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C. Khoảng cuối tháng 11 năm 2018, anh Hà Tuấn C có hành vi san ủi, xây công trình trên một phần thửa đất số 137 nên xảy ra tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn. Ngày 18-12-2018, chính quyền địa phương đã lập biên bản, yêu cầu bị đơn chấm dứt ngay việc thi công. Tuy nhiên, sau đó bị đơn đã di chuyển 03 ngôi mộ về cát táng trên đất.

Tại cấp sơ thẩm:

Nguyên đơn tại Đơn khởi kiện đề ngày 26-4-2019 yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai với diện tích là 1.248,9m^2 thuộc một phần thửa đất số 137; buộc bị đơn di dời toàn bộ khu mộ ra khỏi đất tranh chấp và bồi thường giá trị 100 cây bạch đàn là 10.000.000 đồng. Theo nguyên đơn, diện tích đất này thuộc một phần đất do ông cha để lại được ghi rõ trong Văn tự chia đất đai lập ngày 02-02-1938, sau này được chia cho ông Đặng Viết Y là bố của nguyên đơn. Ông Đặng Viết Y sử dụng đất đến khi chết thì nguyên đơn tiếp tục quản lý, sử dụng, không có tranh chấp và thực hiện kê khai; đến năm 2010 được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình nguyên đơn toàn bộ thửa đất 137. Ngày 05-9-2019, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 25-10-2019, nguyên đơn chỉ yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai đối với diện tích 474,9m^2 đất thuộc một phần thửa đất 137. Khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn chấp nhận khoanh lại một phần diện tích đất tranh chấp nơi có đặt 03 ngôi mộ và diện tích đường đi lên khu mộ này cho bị đơn nhưng bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán phần diện tích đất đó theo giá thực tế tại thị trường; phần diện tích còn lại của diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất 137 nguyên đơn yêu cầu được quản lý, sử dụng.

Bị đơn anh Hà Tuấn C cho rằng 1.214m^2 đất mà nguyên đơn xác định tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19-8-2019 là đất ông cha của bị đơn để lại. Diện tích đất này gia đình bị đơn đã sử dụng từ thời các cụ cho đến khi xảy ra tranh chấp mà không ai có ý kiến gì, gia đình bị đơn vẫn chưa làm thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất đó có 01 ngôi mộ của bà cô chết trẻ gia đình bị đơn đã an táng từ năm 1945-1950. Diện tích đất này

thuộc các thửa đất số 67, 68, 69, 71, 72, tờ bản đồ số 19, Bản đồ địa chính thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, không thuộc thửa đất số 137, tờ bản đồ số 01, Bản đồ lâm nghiệp thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vào cuối năm 2018, gia đình bị đơn đã san ủi khu đất này thành 03 bậc, bậc trên cùng để 03 ngôi mộ, bậc thứ 2 để trống, bậc thứ 3 có phần ao nhưng chưa nuôi trồng thủy sản. Vì vậy, bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã đưa ra.

Với tư cách là người được bà Lô Phùng K ủy quyền, ông Đặng Sinh H vẫn giữ nguyên những ý kiến đã trình bày ở trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Lưu T nhất trí ý kiến của là ông Đặng Sinh H đưa ra.

Với tư cách là người được ông Hà Văn K ủy quyền, ông Nông Văn B nhất trí với ý kiến của anh Hà Tuấn C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Minh K, anh Hà Tuấn H, chị Hà Kim M, anh Hà Tuấn A, chị Nguyễn Thị T nhất trí với ý kiến của anh Hà Tuấn C và từ chối không tham gia tố tụng.

Ngày 19-8-2019, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ xác định được như sau: Ông Đặng Sinh H khởi kiện 1.214,9m^2 đất bao gồm: 554,1m^2 đất lâm nghiệp trong đó: Diện tích 474,9m^2 thuộc một phần thửa đất số 137, tờ bản đồ địa chính số 01 Bản đồ lâm nghiệp thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; diện tích 70,6m^2 trùng một phần thửa số 67; diện tích 8,6m^2 trùng một phần thửa đất số 68, tờ bản đồ số 19, Bản đồ địa chính thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và diện tích 660,8m^2 đất nông nghiệp trong đó: Diện tích 98,2 m^2 thuộc một phần thửa đất số 67; diện tích 256m^2 thuộc một phần thửa đất 68; diện tích 178,7m^2 thuộc một phần thửa đất 69; diện tích 10,2m^2 thuộc một phần thửa đất 72; diện tích 109,1m^2 thuộc một phần thửa đất không có số, tờ bản đồ số 19, Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2008. Trên thửa đất 137 có 03 ngôi mộ, 04 cột trụ, 03 khối cát, 100 viên gạch chỉ, 50 viên gạch bê tông, có tường xây bao quanh các ngôi mộ. Trên thửa đất 67 có 03 cây xoài. Trên thửa đất 68 có 01 cây chanh, 01 phần ao. Trên thửa đất 69 có cây khoai mon, cây gừng, cây đỗ trắng, 01 phần ao. Trên thửa đất không có số thửa có cây đỗ trắng, 01 phần ao. Giá trị đất tranh chấp (đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp) theo giá thị trường có đơn giá 750.000 đồng/m^2.

Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 28-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Sinh H

1.1. Công nhận quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của ông Đặng Sinh H và bà Lô Phùng K đối với 417,2m^2 đất thuộc một phần thửa đất 137, tờ bản đồ số 01, bản đồ lâm nghiệp thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, địa chỉ tại Khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

1.2. Ông Đặng Sinh H và bà Lô Phùng K tiếp tục được quản lý, sử dụng 417,2m^2 đất thuộc một phần thửa đất 137, tờ bản đồ số 01, bản đồ lâm nghiệp

thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, địa chỉ tại khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (có nêu các phía tiếp giáp, các cạnh của thửa đất).

1.3. Anh Hà Tuấn C có quyền quản lý, sử dụng 57,7m^2 đất thuộc một phần thửa đất 137, tờ bản đồ số 01, Bản đồ lâm nghiệp thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, địa chỉ tại khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (có nêu các phía tiếp giáp, các cạnh của thửa đất).

1.4. Anh Hà Tuấn C có trách nhiệm trả cho ông Đặng Sinh H và bà Lô Phùng K số tiền 43.275.000 đồng.

1.5. Anh Hà Tuấn C phải di dời các tài sản sau khỏi diện tích đất tranh chấp: 01 bức tường xây gạch bê tông xi măng; 04 cột bê tông phía trước khu mộ; 100 viên gạch chỉ; 50 viên gạch bê tông và 03 khối cát phía trước khu mộ. Chi phí di dời tài sản trên do anh Hà Tuấn C tự chịu (các tài sản trên có bản sơ họa hình dạng kèm theo).

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Sinh H yêu cầu anh Hà Tuấn C bồi thường thiệt hại 100 cây bạch đàn trị giá 10.000.000 đồng.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Sinh H yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích còn lại là 740,0m^2 (có nêu các cạnh thửa đất).

4. Về án phí: Bị đơn anh Hà Tuấn C phải chịu 17.808.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước.

5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Bị đơn phải chịu 22.500.000 đồng. Ông Đặng Sinh H đã tạm ứng trước nên bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Đặng Sinh H số tiền này.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, về nghĩa vụ chậm trả và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, bị đơn anh Hà Tuấn C kháng cáo toàn bộ bản án; yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 28-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn; buộc gia đình ông Đặng Sinh H phải chịu tiền án phí và chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo bị đơn anh Hà Tuấn C vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Ông Đặng Sinh H không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và đề nghị giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Lưu T nhất trí với ý kiến của ông Đặng Sinh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Tuấn H, anh Hà Tuấn A nhất trí với ý kiến của anh Hà Tuấn C.

Ông Nông Văn B là người được người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn K ủy quyền nhất trí với ý kiến của anh Hà Tuấn C.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự có mặt chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và người làm chứng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 05-9-2019, nguyên đơn rút yêu cầu bồi thường giá trị cây bạch đàn là 10.000.000 đồng. Ngày 25-10-2019, nguyên đơn chỉ yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai với diện tích 474,9m^2 thuộc một phần thửa số 137, tờ bản đồ số 01, Bản đồ lâm nghiệp thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đồng ý cho bị đơn sử dụng diện tích đất có phần mộ là 20m^2, đường đi vào khu mộ và bị đơn phải thanh toán tiền đất theo giá là 750.000 đồng/m^2; bị đơn phải di dời các tài sản trên đất tranh chấp. Bị đơn cho rằng diện tích đất tranh chấp nguyên đơn xác định tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình bị đơn. Diện tích đó thuộc thửa đất số 67, 68, 69, 71, 72, tờ bản đồ số 19, Bản đồ địa chính thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; trên đất có đặt 03 mộ của ông bà tổ tiên xây năm 2018. Theo bị đơn xác định phần đất tranh chấp không nằm trong thửa đất số 137 của nguyên đơn nên bị đơn không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, thửa đất tranh chấp giữa các đương sự còn có mâu thuẫn, chưa được Tòa án cấp sơ thẩm đối chiếu bản đồ đầy đủ qua các thời kỳ mà chỉ căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đảm bảo trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ. Tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ để làm rõ diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất 137, tờ bản đồ địa chính số 01, Bản đồ lâm nghiệp thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn được hợp nhất từ thửa đất số 66 của nguyên đơn và thửa đất số 89 của ông Đặng Ký H (anh trai nguyên đơn), tờ bản đồ số 19, Bản đồ địa chính thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Theo Bảng bàn giao diện tích, tờ bản đồ số 19, tỷ lệ 1:1.000 đo vẽ năm 1997, trong đó: Thửa đất số 66 có diện tích 17.852m^2, thửa đất số 89 có diện tích 17.385m^2. Năm 1999, ông Đặng Ký H đã chuyển nhượng thửa đất số 89 cho nguyên đơn nên ông Đặng Ký H không còn liên quan đến vụ án. Đồng thời, cấp phúc thẩm cũng đã làm rõ các thửa đất số 67, 68, 69, 71, 72, tờ bản đồ số 19, Bản đồ năm 1997 hiện nay thuộc một phần thửa đất số 137, 139, tờ bản đồ số 01 đo vẽ năm 2008. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn yêu cầu hủy Bản án dân sự sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 740m^2, chỉ yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai với diện tích 474,9m^2. Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết việc rút yêu cầu này nhưng lại không xem xét nghĩa vụ của nguyên đơn đối với diện tích đất đã rút mà buộc bị đơn phải chịu 22.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là vi phạm khoản 4 Điều 157, khoản 4 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự tranh chấp về quyền sử dụng đất, Tòa án giải quyết ai có được quyền quản lý, sử dụng đất. Bản án sơ thẩm xử buộc bị đơn phải chịu án phí theo ngạch là không đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Từ những nội dung nêu trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và án phí.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn có một số thiếu sót, đó là: Xác định quan hệ pháp luật chưa đầy đủ theo đúng yêu cầu của nguyên đơn. Tại phần quyết định của bản án ghi: Công nhận quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của ông Đặng Sinh H, bà Lô Phùng K không đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Luật Đất đai năm 2013. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình nguyên đơn, nhưng bản án quyết định cho ông Đặng Sinh H và bà Lô Phùng K và không quyết định về việc các đương sự nghĩa vụ kê khai cấp giấy chứng nhận và đăng ký biến động theo quy định của Luật đất đai là chưa đầy đủ.

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn như phân tích ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử xác định có ông Nguyễn Trọng H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Tuy nhiên, ngày 14-4-2020, ông Nguyễn Trọng H có văn bản Thông báo không tham gia tố tụng do nguyên đơn có đơn từ chối mời luật sư. Nên tại phiên tòa phúc thẩm, không có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Minh K, chị Hà Kim M, chị Nguyễn Thị T tuy vắng mặt nhưng trong quá trình tố tụng đã có đơn yêu cầu không triệu tập, từ chối tham gia tố tụng và văn bản này đã được chính quyền địa phương chứng thực. Người làm chứng ông Hà Viết T, bà Từ Thị T đã có lời khai trực tiếp tại Tòa án, bà Từ Thị T cũng có văn bản từ chối tham gia tố tụng. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn, quyết định của Bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án này là: Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản, mộ ra khỏi khu đất tranh chấp và bồi thường thiệt hại về tài sản.

[3] Xét thấy, tại Đơn khởi kiện và tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ nguyên đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai đối với diện tích 1.214,9m^2 tại khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Theo Bản đồ địa chính đo vẽ năm 1997, diện tích đất trên thuộc tờ bản đồ số 19 bao gồm: Diện tích 298,8m^2 đất (V) thuộc một phần thửa đất số 66; diện tích 168,8m^2 đất (V) thuộc một phần thửa đất số 67; diện tích 173,2m^2 đất (V) thuộc một phần thửa đất số 68; diện tích 178,7m^2 đất (V) thuộc một phần thửa đất số 69; diện tích 10,2m^2 đất (V) thuộc một phần thửa đất số 72; diện tích 176,1m^2 đất (V) thuộc một phần thửa đất số 89; diện tích 109,1m^2 đất nông nghiệp thuộc một phần thửa đất không tìm thấy số thửa. Toàn bộ các thửa đất trên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình hay tổ chức nào (bút lục số 417). Theo Bản đồ lâm nghiệp đo vẽ năm 2008, diện tích đất trên thuộc tờ bản đồ số 01 bao gồm: Diện tích 554,1m^2 đất lâm nghiệp (RSX) thuộc một phần thửa đất số 137; diện tích 660,8m^2 đất trồng cây hàng năm khác (HNK) thuộc một phần thửa đất số 139. Thửa đất số 137 có diện tích 36.238,0m^2 đất lâm nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đặng Sinh H và bà Lô Phùng K. Thửa đất số 139 có diện tích 21.728m^2 đất HNK chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình hay tổ chức nào (bút lục 417).

[4] Qua kết quả đo đạc, đối chiếu lồng ghép bản đồ thể hiện: Thửa đất 137, tờ bản đồ địa chính số 01, Bản đồ lâm nghiệp thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2008 bao gồm 01 phần thửa đất số 41, 65, 66, 67, 68, 84, 89, tờ bản đồ số 19, Bản đồ địa chính thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 1997.

[5] Theo Sổ bàn giao diện tích thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì: Thửa đất số 41 có diện tích 7.380m^2 nguyên đơn là người ký nhận diện tích. Thửa đất số 65 có diện tích 37.321m^2 không có người ký nhận diện tích. Thửa đất số 66 có diện tích 17.852m^2 nguyên đơn là người ký nhận diện tích. Thửa đất số 67 có diện tích 189m^2 không có người ký nhận diện tích. Thửa đất số 68 có diện tích 289m^2 không có người ký nhận diện tích. Thửa đất số 69 có diện tích 215m^2 không có người ký nhận diện tích. Thửa đất số 72 có diện tích 218m^2 ông Triệu Thanh H là người ký nhận diện tích. Thửa đất số 84 có diện tích 990m^2 ông Đặng Ký H là người ký nhận diện tích. Thửa đất số 89 có diện tích 17.385m^2 ông Đặng Ký H là người ký nhận diện tích.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại 10.000.000 đồng; không yêu cầu giải quyết diện tích 740m^2 đất thuộc một phần thửa đất 137, 139, tờ bản đồ địa chính số 01, Bản đồ lâm nghiệp thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2008; chỉ yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích 474,9m^2 đất thuộc một phần thửa đất 137, tờ bản đồ địa chính số 01, Bản đồ lâm nghiệp thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2008. Xét thấy, việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này là đúng quy định của pháp luật.

[7] Tại biên bản xác minh về quá trình quản lý, sử dụng các thửa đất số 67, 68, 69, tờ bản đồ số 19, Bản đồ địa chính thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 1997 vào ngày 27-9-2019 với Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thể hiện: Các thửa đất này do tổ tiên để lại cho ông Hà Văn K quản lý, canh tác, sử dụng. Hiện nay ông Hà Văn K già yếu, các thửa đất trên do các con ông Hà Văn K canh tác. Các con của ông Hà Văn K đều thừa nhận: Từ năm 1986 gia đình bị đơn không hề canh tác, sử dụng 1.214,9m^2 đất tại Kh, khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn mà để cho ông Hà Viết T trồng cây trên đất và sử dụng toàn bộ diện tích đất này. Bị đơn cho rằng trên đất có 01 ngôi mộ của bà cô chết trẻ chôn năm 1945-1950, trước khi san ủi có một hàng cây lát do ông Hà Viết T trồng vào khoảng năm 2005-2006 làm ranh giới với phần đất của nguyên đơn. Tuy nhiên, chính ông Hà Viết T lại khẳng định: Ông Hà Viết T là người có quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất trên từ năm 1985 đến trước tháng 7-2018, trong thời gian này gia đình bị đơn không phải là người có quyền quản lý, sử dụng diện tích đất đó; chính ông Hà Viết T còn cho người khác sử dụng diện tích đất này từ năm 2013 đến đầu năm 2018 với giá cho thuê là 1.000.000 đồng/năm và trực tiếp hưởng số tiền cho thuê đất. Trước tháng 7-2018, ông Hà Viết T đã trồng 300 cây chanh, hơn 20 cây vải và 37 cây nhãn trên toàn bộ diện tích 1.214,9m^2. Tháng 7-2018, ông Hà Viết T mới chính thức cho gia đình bị đơn quản lý, sử dụng diện tích đất trên, khi bàn giao đất cho gia đình bị đơn hoàn toàn là đất trống không hề có cây trồng gì (không hề có hàng cây lát) bởi trước đó ông Hà Viết T đã di chuyển toàn bộ các cây chanh, vải, nhãn ra khỏi khu đất. Ông Hà Viết T xác định trong quá trình ông quản lý, sử dụng trên đất không hề có ngôi mộ nào; ở thửa đất bên trên không phải phần đất ông đang sử dụng ông có nghe nói là có một ngôi mộ của bà cô chết trẻ nhưng không rõ là ai (bút lục số 392-293).

[8] Nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết diện tích 474,9m^2 đất thuộc một phần thửa đất 137, tờ bản đồ địa chính số 01, Bản đồ lâm nghiệp thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2008 (gọi tắt là thửa đất số 137). Bị đơn cho rằng diện tích đất trên thuộc thửa đất số 67, 68, 69, tờ bản đồ số 19, Bản đồ địa chính thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Đối với vấn đề này thấy rằng ý kiến của bị đơn là không có căn cứ bởi diện tích đất này thuộc một phần thửa đất số 66, 89 tờ bản đồ số 19, Bản đồ địa chính thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 1997. Mặt khác, người ký nhận diện tích thửa đất số 66, 89 là nguyên đơn và anh trai của nguyên đơn là ông Đặng Ký H. Tòa án cấp phúc thẩm qua thu thập chứng cứ đã xác định được: Trong quá trình quản lý, sử dụng năm 1999 ông Đặng Ký H đã chuyển nhượng thửa đất số 89 cho nguyên đơn với giá 4.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng tuy không làm giấy tờ nhưng hai bên có bàn giao đất trên thực địa. Nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 137, gia đình ông Đặng Ký H đều biết, nhất trí và không có ý kiến gì. Ông Đặng Ký H chết năm 2016, hiện vợ của ông Đặng Ký H là bà Từ Thị T khẳng định từ khi chuyển nhượng thửa đất số 89 cho gia đình nguyên đơn đến nay gia đình bà không có tranh chấp gì với nguyên đơn về phần

đất đã chuyển nhượng và cũng không có ý kiến, yêu cầu gì khác (bút lục số 394-396).

[9] Trong quá trình quản lý, sử dụng đất do không có tranh chấp với ai nên nguyên đơn đã tiến hành kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 525671 ngày 28-7-2010 cho hộ ông Đặng Sinh H và bà Lô Phùng K đối với toàn bộ thửa đất số đất 137. Ngày 15-11-2019, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã có nội dung thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận, cụ thể: Nội dung thông tin tên người sử dụng đất, địa chỉ thửa đất có sai sót, được đính chính lại là: Tên người sử dụng đất: Hộ ông Đặng Sinh H (S) và bà Lô Phùng K; địa chỉ thửa đất: Khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, theo biên bản kiểm tra ngày 07-11-2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

[10] Luật Đất đai quy định: Người sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, được Nhà nước bảo hộ khi bị người khác xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của mình. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền tài sản khác gắn liền với đất.

[11] Vì những phân tích trên có đủ căn cứ xác định: Diện tích 474,9m^2 đất có tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc một phần thửa đất số 137, tờ bản đồ địa chính số 01, Bản đồ lâm nghiệp thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2008 thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình nguyên đơn.

[12] Xét thấy, theo phong tục tập quán địa phương việc cất bốc, di dời mồ mả là vấn đề linh thiêng, có ý nghĩa tâm linh rất lớn. Gia đình nguyên đơn, gia đình bị đơn cùng sinh sống trên địa bàn thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, trước khi xảy ra tranh chấp đất đai hai bên chưa có mâu thuẫn gì với nhau. Nguyên đơn cũng chấp nhận khoanh lại một phần diện tích đất nơi có đặt 03 ngôi mộ và diện tích đường đi vào khu mộ này để cho gia đình bị đơn quản lý, sử dụng và yêu cầu bị đơn phải thanh toán lại giá trị đất đó theo thời giá thị trường. Căn cứ vào Điều 4 Nghị định số: 23/2016/NĐ-CP ngày 05-4-2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý nghĩa trang và cơ sở hỏa táng, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định cho bị đơn được quyền quản, sử dụng 57,7m^2 đất (có 03 ngôi mộ và phần đường đi vào 03 ngôi mộ này) và buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền 43.275.000 đồng (giá trị đất tranh chấp theo giá thị trường có đơn giá 750.000 đồng/m^2) là hoàn toàn phù hợp, có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[13] Đối với các tài sản và công trình khác trên diện tích 417,2m^2 đất còn lại của thửa đất số 137 bao gồm: 01 bức tường rào bao quanh khu mộ, 04 cột trụ, 100 viên gạch chỉ, 50 viên gạch bê tông, 03 khối cát, Tòa án cấp sơ thẩm

buộc bị đơn phải di dời và xác định toàn bộ chi phí di dời tài sản do bị đơn phải chịu trách nhiệm là hoàn toàn phù hợp, có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[14] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã tạm ứng chi tổng cộng số tiền 22.500.000 đồng cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản toàn bộ diện tích 1.214,9m^2 đất. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không yêu cầu xem xét diện tích 740m^2, chỉ yêu cầu Tòa án xem xét diện tích 474,9m^2. Do các bên không thỏa thuận được về trách nhiệm chịu số tiền trên nên nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với phần đã rút yêu cầu, bị đơn phải chịu chi phí tố tụng đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 1, 4, 5 Điều 157, Điều 158, khoản 1, 4, 5 Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Cụ thể, nguyên đơn phải chịu 13.705.000 đồng, bị đơn phải chịu 8.795.000 đồng. Bị đơn phải có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng nguyên đơn đã bỏ ra là 8.795.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền 22.500.000 đồng là không đúng quy định của pháp luật.

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu 17.808.750 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là chưa chính xác. Đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất, Tòa án chỉ xem xét đến quyền sử dụng đất của các đương sự, không xem xét về giá trị. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án thì bị đơn không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch (không phải chịu số tiền án phí 17.808.750 đồng); bị đơn chỉ phải chịu mức án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[16] Xét thấy, việc thu thập chứng cứ và chứng minh của Tòa án cấp sơ thẩm chưa được đầy đủ nhưng Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện bổ sung đầy đủ, thành phần của Hội đồng xét xử sơ thẩm đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, không có căn cứ hủy Bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm quyết định về chi phí tố tụng, về án phí không đúng quy định của pháp luật như phân tích ở trên. Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn có một số sai sót khác như: Công nhận quyền sử dụng đất là không đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Luật Đất đai năm 2013; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và những thay đổi sau khi cấp giấy thì người sử dụng đất là hộ ông Đặng Sinh H và bà Lô Phùng K chứ không phải chỉ có ông Đặng Sinh H và bà Lô Phùng K như quyết định của Bản án sơ thẩm đã tuyên; kích thước các cạnh của thửa đất có cạnh tuyên chưa chính xác; phần đất giao cho hộ gia đình nguyên đơn tiếp giáp phía Đông không chính xác; chưa tuyên về trách nhiệm kê khai, điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với

đất là thiết sót nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm về vấn đề này theo quy định tại Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[17] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đưa ra là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[18] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bị đơn số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/05374 ngày 23-12-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Hà Tuấn C; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2019/DS-ST ngày 28-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

Căn cứ các Điều 4, 10, 49, 50, khoản 2 Điều 52, Điều 105 của Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ vào Điều 170 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 163, Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 1, 4, 5 Điều 157, Điều 158, khoản 1, 4, 5 Điều 165, Điều 166, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và nghĩa vụ thanh toán giá trị quyền sử dụng đất

1.1. Hộ ông Đặng Sinh H (S) và bà Lô Phùng K được quyền quản lý, sử dụng diện tích 417,2m^2 đất là một phần thửa đất 137, tờ bản đồ địa chính số 01, Bản đồ lâm nghiệp thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2008 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 525671 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 28-7-2010 cho hộ ông Đặng Sinh H và bà Lô Phùng K và nội dung thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 15-11-2019 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm

(đỉnh thửa) J-A8-A7-A6-A5-M5-M7-M6-M2-M1-M4-M3-M10-M9-H-I-Z-J thể hiện tại Phụ lục đính kèm sơ đồ khu đất tranh chấp số 58 kèm theo Bản án.

1.2. Anh Hà Tuấn C được quyền quản lý, sử dụng diện tích 57,7m^2 đất là một phần thửa đất số 137, tờ bản đồ địa chính số 01, Bản đồ lâm nghiệp thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2008 và có quyền quản lý các tài sản hiện có trên đất gồm có 03 ngôi mộ đã cải táng xây năm 2018 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 525671 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 28-7-2010 cho hộ ông Đặng Sinh H và bà Lô Phùng K và nội dung thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 15-11-2019 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm điểm (đỉnh thửa) M8-F-G-M9-M10-M3-M4-M1-M2-M6-M7-M5-M8 thể hiện tại Phụ lục đính kèm sơ đồ khu đất tranh chấp số 58 kèm theo Bản án (Khoảng cách từ I-M1 là 5,0m; khoảng cách từ I-M4 là 4,0m; khoảng cách từ H-M3 là 2,0m; khoảng cách từ H-M4 là 8,3m)

1.3. Anh Hà Tuấn C có nghĩa vụ thanh toán cho hộ ông Đặng Sinh H (S) và bà Lô Phùng K giá trị quyền sử dụng diện tích 57,7m^2 đất là một phần thửa đất số 137, tờ bản đồ địa chính số 01, Bản đồ lâm nghiệp thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2008 với tổng số tiền là 43.275.000 đồng (bốn mươi ba triệu hai trăm bẩy mươi năm nghìn đồng).

1.4. Anh Hà Tuấn C phải di dời các công trình, các tài sản ra khỏi diện tích 417,2m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 137, tờ bản đồ địa chính số 01, Bản đồ lâm nghiệp thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2008, cụ thể: Anh Hà Tuấn C phải di dời: 01 bức tường xây gạch bê tông xi măng bao quanh khu mộ cao 1,2m, 01 phần bức tường sau 03 ngôi mộ nhô cao, tường trát một mặt hoàn thiện và quét sơn trắng, bức tường được xác định là đường nối các điểm M9-H-I-Z thể hiện tại Phụ lục đính kèm sơ đồ khu đất tranh chấp số 58 kèm theo Bản án; 04 cột bê tông gồm 02 cột bê tông cao 1,7m, 02 cột bê tông cao 1,2m; 100 viên gạch chỉ; 50 viên gạch bê tông và 03 khối cát. Toàn bộ chi phí di dời do anh Hà Tuấn C tự chịu.

1.5. Về đăng ký biến động và đăng ký quyền sử dụng đất: Hộ ông Đặng Sinh H (S) và bà Lô Phùng K có nghĩa vụ thực hiện đăng ký biến động quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 137, tờ bản đồ địa chính số 01, Bản đồ lâm nghiệp thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2008 đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 525671 ngày 28-7-2010 cho hộ ông Đặng Sinh H và bà Lô Phùng K và nội dung thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 15-11-2019 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn; anh Hà Tuấn C có nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Sinh H yêu cầu anh Hà Tuấn C phải bồi thường thiệt hại 100 cây bạch đàn trị giá 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Sinh H yêu cầu quản lý, sử dụng diện tích 740,0m^2 đất, trong đó: Diện tích 79,2m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 137; diện tích 660,8m^2 đất thuộc một phần thửa đất 139, tờ bản đồ địa chính số 01, Bản đồ lâm nghiệp thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2008. Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa) A-W-B-C-D-E-M8-M5-A5-A6-A7-A8-J-K-L-M-N-A thể hiện tại Phụ lục đính kèm sơ đồ khu đất tranh chấp số 58 kèm theo Bản án.

4. Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng

Nguyên đơn ông Đặng Sinh H (S) phải chịu 13.705.000 đồng (mười ba triệu bảy trăm linh năm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

Bị đơn anh Hà Tuấn C phải chịu 8.795.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

Bị đơn anh Hà Tuấn C phải trả cho nguyên đơn ông Đặng Sinh H (S) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản với số tiền là 8.795.000 đồng (tám triệu bảy trăm chín mươi năm nghìn đồng).

5. Nghĩa vụ chịu lãi chậm trả

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Về án phí

6.1 Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hà Tuấn C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

6.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Hà Tuấn C không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho anh Hà Tuấn C số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/05374 ngày 23-12-2019.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h.Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h.Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h.C, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa DS; HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa